

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại: 042 260 6166

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

*Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017*

*kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

---

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82

Fax: (04) 3 974 5083

*Hà Nội, tháng 08 năm 2017*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

**Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội**

**Điện thoại: 042 260 6166**

---

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang số</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2017	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017	10 - 32

Đ. N. 01  
C  
KIỂM TOÁN  
KẾ TOÁN  
HÀ NỘI  
- TP

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại: 042 260 6166

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

đính kèm Báo cáo tài chính

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP:

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106332492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2013 và được đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 17 tháng 01 năm 2017. Theo đó:

Tên viết tắt: PIENHP.,JSC

Vốn Điều lệ của Công ty: 275.764.900.000 đồng

(Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi lăm tỷ, bảy trăm sáu mươi tư triệu, chín trăm ngàn đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Trụ sở chính: Thôn Điểm Tổng xã Tích Giang huyện Phúc Thọ TP Hà Nội, Việt Nam.

Danh sách cổ đông đã góp vốn:

Nội Dung	Loại cổ phần	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ % góp vốn
Ông Lê Xuân Nghĩa	Phổ thông	4.610.502	46.105.020.000	17%
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Phổ thông	2.186.750	21.867.500.000	7,93%
Bà Nguyễn Hiền Nga	Phổ thông	258.750	2.587.500.000	0,94%
Ông Tào Ngọc Tuấn	Phổ thông	258.750	2.587.500.000	0,94%
Các cổ đông khác	Phổ thông	20.261.738	202.617.380.000	73,47%
<b>Cộng</b>		<b>27.576.490</b>	<b>275.764.900.000</b>	<b>100%</b>

### Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của công ty:

- Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hạt nhựa và sản xuất bao bì.  
Sản xuất các loại bánh từ bột; sản xuất mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự; buôn bán nhiều liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; dịch vụ phục vụ đồ uống; sản xuất socola và mút kẹo;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;  
Khai thác thu gom than; khai thác và thu gom than cứng; khai thác khí đốt tự nhiên; khai thác dầu thô; khai thác quặng sắt; khai thác kim loại khác chứa sắt; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất sắt, thép, gang; sản xuất kim loại màu và kim loại quý; đúc sắt, thép; đúc kim loại màu; sản xuất các kết cấu kiện kim loại; rèn đập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại;  
Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại; dịch vụ liên quan tới in; buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; hoạt động thiết kế chuyên dụng trang trí nội thất;
- Đại lý; may trang phục; sản xuất may sẵn; sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; sản xuất các sản phẩm khác từ plastic;
- Hoạt động viễn thông khác; Tư vấn mô giới, đấu thầu bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo bao gồm:**

**A Hội đồng quản trị:**

- |                        |               |
|------------------------|---------------|
| 1 Ông Lê Xuân Nghĩa    | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông Ngô Văn Phương   | Phó chủ tịch  |
| 3 Ông Nguyễn Cảnh Dinh | Ủy viên       |
| 4 Ông Tào Ngọc Hải     | Ủy viên       |
| 5 Ông Lê Hoàng Quân    | Ủy viên       |

**Ban kiểm soát:**

- |                       |            |
|-----------------------|------------|
| 1 Bà Khuất Thu Hương  | Trưởng ban |
| 2 Ông Phạm Văn Hải    | Thành viên |
| 3 Bà Nguyễn Thị Quyên | Thành viên |

**B Ban Tổng Giám đốc:**

- |                           |  |
|---------------------------|--|
| 1 Bà Nguyễn Thị Mai Hương | Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28/04/2016) |
| 2 Bà Phạm Thị Thủy        | Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/04/2016)   |
| 3 Ông Phạm Thiên Thành    | Kế toán trưởng                             |

**2. Kiểm toán viên độc lập**

Báo cáo tài chính bán niên từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội (CPAHANOI).

**3. Tại Báo cáo này Ban Tổng Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:**

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

**Đại diện**

**Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP**



**Tổng Giám đốc  
Phạm Thị Thủy**

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017



Số: 251/CPAHANOI – BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu NHP từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu NHP chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo soát xét được lập thành 05 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu NHP giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

*Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Ngọc Tinh**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề*

Số: 0132-2013-016-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

				Đơn vị tính: đồng
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>146.674.612.485</b>	<b>132.398.079.312</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7.075.465.660</b>	<b>5.091.870.508</b>
1. Tiền	111	V.01	7.075.465.660	5.091.870.508
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>87.262.393.911</b>	<b>87.138.225.108</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	56.661.205.342	55.714.218.002
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	5.757.599.100	12.270.722.100
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	24.843.589.469	19.153.285.006
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>45.139.210.174</b>	<b>32.861.682.319</b>
1. Hàng tồn kho	141		45.139.210.174	32.861.682.319
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.06</b>	<b>7.197.542.740</b>	<b>7.306.301.377</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.316.782	14.162.336
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.181.225.958	7.292.139.041
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>243.513.527.561</b>	<b>253.647.453.227</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>V.07</b>	<b>-</b>	<b>3.962.752.530</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	3.962.752.530
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>65.222.567.381</b>	<b>71.341.021.878</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	65.222.567.381	71.341.021.878
- Nguyên giá	222		73.412.070.910	78.517.030.910
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.189.503.529)	(7.176.009.032)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>178.000.000.000</b>	<b>178.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.09	124.000.000.000	124.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10	54.000.000.000	54.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>290.960.180</b>	<b>343.678.819</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	290.960.180	343.678.819
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>390.188.140.046</b>	<b>386.045.532.539</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng				
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>110.057.467.180</b>	<b>101.956.786.621</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>95.208.562.600</b>	<b>85.809.861.431</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	13.728.244.818	13.905.498.459
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	8.596.035.375	2.567.372.900
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	940.683.270	1.564.086.611
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	106.076.296	646.541.220
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	6.288.854.665	148.412.236
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	64.974.069.561	66.646.482.028
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		574.598.615	331.467.977
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.848.904.580</b>	<b>16.146.925.190</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	14.848.904.580	16.146.925.190
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>280.130.672.866</b>	<b>284.088.745.918</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>280.130.672.866</b>	<b>284.088.745.918</b>
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		275.764.900.000	275.764.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.764.900.000	275.764.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(226.000.000)	(26.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.409.974.228	1.806.671.911
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		2.181.798.638	6.543.174.007
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.812.197.230	510.150.829
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		369.601.408	6.033.023.178
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>390.188.140.046</b>	<b>386.045.532.539</b>

Người lập biểu

*Handwritten signature*

Nguyễn Thị Thanh Minh

Kế toán trưởng

*Handwritten signature*

Phạm Thiên Thành



Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Giám đốc

*Handwritten signature*  
 Phạm Thị Thủy



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

Số TT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2		Đơn vị tính: đồng
			Năm nay	Năm trước	
		3			
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	42.919.259.537	32.234.697.179	5
2.	Các khoản giảm trừ	VI.02	-	-	68.372.952.392
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	VI.03	42.919.259.537	32.234.697.179	68.372.952.392
4.	Giá vốn hàng bán	VI.04	38.778.728.212	27.972.143.572	60.770.860.880
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	VI.05	4.140.531.325	4.262.553.607	7.602.091.512
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.06	2.220.116	7.638.483	691.086.558
7.	Chi phí tài chính		2.156.432.829	1.351.303.980	2.655.848.414
	- Trong đó: Chi phí lãi vay		2.143.411.296	1.351.303.980	2.547.676.117
8.	Chi phí bán hàng		175.706.150	151.348.722	1.081.617.233
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.07	1.143.451.244	1.147.128.812	2.259.071.727
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	VI.08	667.161.218	1.620.410.576	2.296.640.696
11.	Thu nhập khác	VI.09	(104.133.340)	114.696.379	1.789.696.379
12.	Chi phí khác		82.015.844	88.580.204	854.992.083
13.	Lợi nhuận khác		(186.149.184)	26.116.175	934.704.296
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		481.012.034	1.646.526.751	3.231.344.992
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành		111.410.626	347.021.393	681.515.841
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		369.601.408	1.299.505.358	2.549.829.151
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		-	-	-
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu		-	-	-



Người lập biểu: *[Signature]*  
 Kế toán trưởng: *[Signature]*  
 Nguyễn Thị Thanh Minh  
 Phạm Thiên Thành

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của BCTC)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1	2	3	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		92.264.336.932	47.622.098.526
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(80.345.056.801)	(52.655.513.713)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.303.493.264)	(3.842.690.565)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3.866.765.508)	(2.547.676.117)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(1.442.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.143.003.713	23.945.103.648
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.338.907.500)	(16.498.574.396)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>553.117.572</b>	<b>(5.419.252.617)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21		-	(2.740.800.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		4.400.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(26.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	8.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		910.657	16.449.338
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.400.910.657</b>	<b>(20.724.350.662)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		76.202.348.796	64.286.964.156
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(79.172.781.873)	(51.539.976.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.970.433.077)</b>	<b>12.746.988.156</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>1.983.595.152</b>	<b>(13.396.615.123)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>5.091.870.508</b>	<b>14.664.266.409</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>7.075.465.660</b>	<b>1.267.651.286</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Minh

Kế toán trưởng



Phạm Thiên Thành

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017



Phạm Thị Thủy

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của BCTC)

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**6 tháng đầu năm 2017**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106332492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2013 và được đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 26 tháng 09 năm 2016. Theo đó:

**Tên công ty:** Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP

**Tên giao dịch quốc tế:** NHP PRODUCTION IMPORT - EXPORT JOINT STOCK COMPANY

**Tên viết tắt:** PIENHP.,JSC

**Vốn Điều lệ của Công ty:** 275.764.900.000 đồng

*(Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi lăm tỷ, bảy trăm sáu mươi tư triệu, chín trăm ngàn đồng)*

**Trụ sở chính:** Thôn Điểm Tổng xã Tích Giang huyện Phúc Thọ TP Hà Nội, Việt Nam.

**2. Lĩnh vực hoạt động chính:** Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hạt nhựa và sản xuất bao bì.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất các loại bánh từ bột; sản xuất mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự; buôn bán nhiều liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; dịch vụ phục vụ đồ uống; sản xuất socola và mút kẹo;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Khai thác thu gom than; khai thác và thu gom than cứng; khai thác khí đốt tự nhiên; khai thác dầu thô; khai thác quặng sắt; khai thác kim loại khác chứa sắt; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất sắt, thép, gang; sản xuất kim loại màu và kim loại quý; đúc sắt, thép; đúc kim loại màu; sản xuất các kết cấu kiện kim loại; rèn đập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại;
- Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại; dịch vụ liên quan tới in; buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; hoạt động thiết kế chuyên dụng trang trí nội thất;
- Đại lý; may trang phục; sản xuất may sẵn; sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; sản xuất các sản phẩm khác từ plastic;
- Hoạt động viễn thông khác; Tư vấn mô giới, đấu thầu bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

**3. Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường:** chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

### **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Đây là báo cáo bán niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đồng).

### **III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)*

**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**2. Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.**3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP tuyên bố Báo cáo tài chính năm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

**1. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:*****Nguyên tắc xác định các khoản tiền:***

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

***Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:***

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:*****Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài dưới các hình thức:

- Đầu tư dưới hình thức góp vốn vào đơn vị khác (do bên được đầu tư huy động vốn);
- Đầu tư dưới hình thức mua lại phần vốn góp tại đơn vị khác (mua lại phần vốn của chủ sở hữu)

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá trị hợp lý.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết là thời điểm chính thức có quyền sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được xác định giá trị tổn thất tại thời điểm lập Báo cáo tài chính để trích lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Tuy nhiên, các công ty con, công ty liên kết của công ty đều không bị lỗ hay đang trong giai đoạn đầu tư nên công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

***Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:***

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:**

***Phải thu của khách hàng:*** phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

***Phải thu nội bộ:*** phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với đơn vị cấp dưới hoặc giữa các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

***Phải thu khác:*** phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

Các khoản phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán.

***Lập dự phòng phải thu khó đòi :***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

***Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

***Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:***

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

**Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho:** Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

#### 6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ:

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:**

- Tài sản cố định ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ:**

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 45 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 8 năm

#### 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước của công ty gồm công cụ dụng cụ, các chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả...

Phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác:

Phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả, nếu:

- . Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

· Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả bán có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

#### **Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

· Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

· Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

· Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.

· Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.

· Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả gồm lãi vay, lãi trái phiếu trả sau, chi phí công trình, chi phí phải trả khác. Chi phí của các công trình xây dựng và tư vấn thiết kế đã có trong dự toán thực tế phát sinh nhưng chưa tập hợp đủ hồ sơ, tài liệu do các công trình xây dựng ở xa, nằm rải rác trên nhiều địa bàn được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của các công trình xây dựng là giá trị công trình tạm tính hoặc biên bản tạm xác định khối lượng, cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của hoạt động tư vấn thiết kế căn cứ theo hợp đồng và phần công việc hoàn thành. *Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.*

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

## **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:**

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu từ lãi tiền gửi.

**Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như: người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

**Thu nhập khác:** Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

## **13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán trong kỳ, các khoản hao hụt định mức, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

## **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:**

**Chi phí tài chính:** Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)*



**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

#### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

*Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.*

#### **16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

**Các bên liên quan**: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>1. Tiền</b>		
Tiền mặt	6.104.843.911	2.836.627.610
Tiền gửi ngân hàng	970.621.749	2.255.242.898
<b>Tiền gửi ngân hàng VND</b>	<b>956.106.898</b>	<b>2.227.103.207</b>
Ngân hàng TMCP An Bình_CN Hà Nội (0111038957035)	754.690	12.056.681
Ngân hàng TMCP An Bình_CN Hà Nội (0111038492059)	3.629.599	304.357.121
Ngân hàng NN&PTNN_CN Tây Hà Nội	3.080.088	1.083.251.704
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam_CN Tràng An	3.259.826	187.085.710
Ngân hàng TMCP Bảo Việt_CN Sở giao dịch_PGD Đào Tấn	505.332	502.799
Ngân hàng TMCP Quốc Dân_CN Hà Nội	1.495.322	2.251.846
Ngân hàng VP Bank_CN Hà Tây	4.572.244	0
Ngân hàng Vietcombank_CN Hà Tây	938.809.797	637.597.346
<b>Tiền gửi ngân hàng USD</b>	<b>14.514.851</b>	<b>28.139.691</b>
Ngân hàng Vietcombank_CN Hà Tây (296,7 USD)	6.714.117	-
Ngân hàng TMCP An Bình_CN Hà Nội (100,01 USD)	2.262.226	2.262.226
Ngân hàng NN&PTNN_CN Tây Hà Nội(135,75USD)	3.263.420	23.602.377
Ngân hàng TMCP Quốc Dân_CN Hà Nội (100,18 USD)	2.275.088	2.275.088
<b>Cộng</b>	<b>7.075.465.660</b>	<b>5.091.870.508</b>
<b>2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
CN Công Ty CP Hóa Chất Vật Liệu Điện Hải Phòng Tại Hà Nội- CN Sĩ	-	268.000.000
Công ty CP vật liệu xây dựng GDM	16.254.865.000	24.190.740.000
Công ty CP xây dựng và đầu tư Trường Giang	181.050.000	590.000.000
Công ty cổ phần DELEX Việt Nam	2.173.000.000	-
Công ty CP SX và PT Tân Phú Mỹ	-	-
Công ty Cổ phần may Phú Thành	121.744.300	371.744.300
Công ty cổ phần đầu tư NHP	1.842.500.000	1.842.500.000
Công ty TNHH Dệt Kim Phú Vĩnh Hưng	2.442.000.000	-
Công ty TNHH Thịnh Phát	32.045.271.042	27.124.301.263
Công ty TNHH TM và hóa chất ánh Dương	-	134.000.000
Khách hàng nước ngoài	-	334.910.639
Ông Nguyễn Quang Dũng	165.000.000	459.021.800
Bà Ngô Thị Ngân	1.435.775.000	399.000.000
<b>Cộng</b>	<b>56.661.205.342</b>	<b>55.714.218.002</b>
<b>3. Trả trước cho người bán:</b>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cty CP tư vấn địa chính và đo đạc Thanh Xuân	500.000.000	500.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội  
Điện thoại: 042 260 6166**Thuyết minh báo cáo tài chính**cho kỳ hoạt động  
Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Công ty CP chứng khoán An Bình	-	100.000.000
Ngô Thị Ngân	261.012.000	-
Công ty CP TM và XNK Liên Việt	55.000.000	55.000.000
Công ty cổ phần đầu tư NHP	70.000.000	70.000.000
Công ty TNHH công nghệ CIC quốc tế	-	2.239.030.000
Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại Trí Việt	3.698.145.000	-
Công ty TNHH PKF Việt Nam	30.000.000	30.000.000
Công ty TNHH Quan Châu	690.228.000	690.228.000
Công ty TNHH Thịnh Phát	-	8.133.250.000
Công ty TNHH tư vấn môi trường Hà Nội	55.000.000	55.000.000
Viện nghiên cứu phát triển kinh doanh	398.214.100	398.214.100
<b>Cộng</b>	<b>5.757.599.100</b>	<b>12.270.722.100</b>

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng (1)	13.846.601.439	12.128.744.006
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	3.994.502.530	23.072.000
Dư nợ TK 3382 "Kinh phí công đoàn"	2.485.500	1.469.000
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần:	7.000.000.000	7.000.000.000
Bà Triệu Thị Hà	-	-
Ông Đinh Ngọc Dương	-	-
Bà Ngô Thị Huyền (2)	2.800.000.000	2.800.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Hoa (3)	4.200.000.000	4.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.843.589.469</b>	<b>19.153.285.006</b>

**(1) Chi tiết số dư tạm ứng:**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Lê Xuân Nghĩa	2.301.500.000	2.201.500.000
Ông Lê Đức Bắc	7.000.000	-
Ông Tào Ngọc Hải	5.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	124.817.096	30.333.700
Bà Phạm Thị Thủy	2.000.000.000	-
Bà Phạm Thị Thanh Hoa	2.000.000.000	2.000.000.000
Ông Phạm Văn Hải	6.715.000.000	6.715.000.000
Bà Trần Thị Ngọc Nguyệt	400.000.000	882.805.963
Ông Vũ Quang	293.284.343	299.104.343
<b>Cộng</b>	<b>13.846.601.439</b>	<b>12.128.744.006</b>

(2) Phải thu Bà Ngô Thị Huyền tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần Delex Việt Nam theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0112/HĐ-CT ngày 01/12/2016, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 200.000 cổ phần, giá chuyển nhượng là 14.000đồng/cổ phần.

(3) Phải thu Bà Phạm Thị Thanh Hoa tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần Delex Việt Nam theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0609/HĐ-CT ngày 06/09/2016, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 300.000 cổ phần, giá chuyển nhượng là 14.000đồng/cổ phần.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội  
Điện thoại: 042 260 6166**Thuyết minh báo cáo tài chính**cho kỳ hoạt động  
Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.970.711.713	-	8.330.010.178	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	118.409.237	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.892.313.494	-	1.723.039.163	-
Thành phẩm	30.903.457.696	-	14.622.951.030	-
Hàng hóa	2.372.727.271	-	8.067.272.711	-
<b>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>45.139.210.174</b>	<b>-</b>	<b>32.861.682.319</b>	<b>-</b>

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

**6. Tài sản khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>7.197.542.740</b>	<b>7.306.301.377</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn:	16.316.782	14.162.336
Chi phí mua bảo hiểm	16.316.782	14.162.336
Thuế GTGT được khấu trừ	7.181.225.958	7.292.139.041
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>290.960.180</b>	<b>343.678.819</b>
Chi phí trả trước dài hạn:	290.960.180	343.678.819
Chi phí CCDC chờ phân bổ	129.480.843	129.480.843
Các khoản khác	161.479.337	214.197.976
<b>Cộng</b>	<b>7.488.502.920</b>	<b>7.649.980.196</b>

**7. Phải thu dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	994.752.530
Phải thu dài hạn khác (Bà Triệu Thị Hà)	-	2.968.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.962.752.530</b>

**8. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>****9. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư NHP	7.400.000	74.000.000.000	7.400.000	74.000.000.000
Cty cổ phần TM và DL Kim Bôi	3.600.000	50.000.000.000	3.600.000	50.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>124.000.000.000</b>		<b>124.000.000.000</b>

**10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty CP XD&ĐT Trường Giang	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội  
Điện thoại: 042 260 6166

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

cho kỳ hoạt động  
Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Cty cổ phần TM và DL Kim Bôi	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	400.000	4.000.000.000	400.000	4.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>54.000.000.000</b>		<b>54.000.000.000</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
CN Cty LD TNHH IN MEI Việt Nam	107.569.000	65.714.000
Cty CP tư vấn Công nghệ và XNK Linker Việt Nam	1.500.000	83.500.000
Công ty CP DV TM & VT Phúc An Hưng	12.900.000	-
Công ty CP dầu mỡ Việt Nam	88.746.240	72.028.000
Công ty CP Flexicon Việt Nam	196.061.785	111.294.370
Công ty CP Khoáng sản Pha Lê	91.074.553	91.074.553
Công ty CP Nhựa á Đông	432.000.000	121.600.000
Công ty CP XNK hóa chất HTP Việt Nam	20.715.000	45.220.000
Công ty CP xây dựng và đầu tư Trường Giang	2.287.393.000	4.015.013.000
Công ty cổ phần công nghiệp Tân Nhật Minh	123.195.240	123.195.240
Công ty CP TM và SX Đức Hùng	1.214.500.000	-
Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Vạn Xuân	-	34.266.656
Công ty Cổ phần Hóa chất Bình Minh	278.800.000	308.800.000
Công ty TNHH một thành viên 76	8.543.300.000	7.890.000.000
Công ty TNHH một thành viên Duyên Hằng	-	131.599.500
Công ty TNHH SX và TM tổng hợp Hùng Trang	4.760.000	-
Công ty TNHH sản xuất ĐTTM Hoàng Tùng	24.780.000	-
Công ty TNHH TM&SX Nhật Minh	80.550.000	40.000.000
Công ty TNHH Đầu tư TM XNK Thăng Long	66.250.000	131.661.300
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	103.539.000	153.539.000
Bà Nguyễn Thị Hương		423.004.840
Ông Nguyễn Đình Tấn		-
Bà Ngô Thị Ngân		63.988.000
Công ty TNHH đầu tư Hòa Bình Thịnh Vượng	50.611.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.728.244.818</b>	<b>13.905.498.459</b>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng nước ngoài	2.589.210.375	679.500.000
Công ty CP Việt Long	6.006.825.000	1.887.872.900
<b>Cộng</b>	<b>8.596.035.375</b>	<b>2.567.372.900</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.295.910.407	567.887.147	966.728.326	897.069.228

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội  
Điện thoại: 042 260 6166**Thuyết minh báo cáo tài chính**cho kỳ hoạt động  
Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Thuế thu nhập cá nhân	268.176.204	8.709.512	233.271.674	43.614.042
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	196.987.500	196.987.500	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.564.086.611</b>	<b>776.584.159</b>	<b>1.399.987.500</b>	<b>940.683.270</b>

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trích trước phí kiểm toán			81.818.182	
Chi phí phải trả khác	106.076.296		564.723.038	
<b>Cộng</b>	<b>106.076.296</b>	<b>-</b>	<b>646.541.220</b>	<b>-</b>

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
BHXH, BHYT, BHTN	432.472.024	148.412.236
Cổ tức 2016 phải trả	5.239.533.100	-
Phải trả, phải nộp khác	616.849.541	-
<b>Cộng</b>	<b>6.288.854.665</b>	<b>148.412.236</b>

**16. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>64.974.069.561</b>	<b>66.646.482.028</b>
Ngân hàng Agribank - CN Tây Hà Nội (1)	49.998.303.111	46.735.732.968
Ngân hàng TMCP Vietcombank - CN Hà Tây (2)	14.975.766.450	14.714.149.060
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (3)	-	5.196.600.000
Ngân hàng VPbank - CN Ngô Quyền	-	-
<b>Vay ngắn hạn cá nhân</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>14.848.904.580</b>	<b>16.146.925.190</b>
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (4)	12.266.404.580	13.901.925.190
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội (5)	-	2.245.000.000
Ngân hàng VPbank - CN Ngô Quyền	2.582.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>79.822.974.141</b>	<b>82.793.407.218</b>

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Agribank chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng vay số: 1480-LAV-201700137 ký ngày 09/06/2017; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/PL/1480-LCP-201600069 ký ngày 05/06/2017. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động; lãi suất tại thời giải ngân được quy định trên từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là: Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất tại nhà máy thôn Điểm Tổng, Tích Giang, Phúc Thọ Hà Nội

(2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Vietcombank chi nhánh Hà Tây theo hợp đồng vay số: 83/HM/16/KHDN/VCBHT-NHP ký ngày 21/09/2016. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh; lãi suất tại thời giải ngân được quy định trên từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng vay số : 2887/15/TD-TT/II ký ngày 29/06/2015 Hợp đồng thế chấp tài sản số: 2320/15/TC-TT/II ký ngày 03/06/2015. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh; lãi suất tại thời giải ngân được quy định trên từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thôn Điểm Tổng xã Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội.

(4) Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội theo hợp đồng số 2192/15/TD-TT/II ký ngày 04/06/2015; hợp đồng cầm cố tài sản số 2155/15/TC-TT/II ngày 04/06/2015; hợp đồng cầm cố tài sản số 2154/15/TC-TT/II ngày 04/06/2015; hợp đồng cầm cố tài sản số 2163/15/TC-TT/II ngày 04/06/2015; hợp đồng cầm cố tài sản số 2164/15/TC-TT/II ngày 04/06/2015. Mục đích vay mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, lãi suất tại thời điểm giải ngân được quy định trên từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị ; 250.000 cổ phiếu của công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu NHP (của bà Nguyễn Hiền Nga) ; 250.000 cổ phiếu của công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu NHP (của ông Tào Ngọc Tuấn) đang niêm yết tại sàn HNX.

<Xem chi tiết tăng giảm và khả năng trả nợ tại Phụ lục số 02>

**17. Vốn góp chủ sở hữu**

**17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại Phụ lục số 03>**

**17.2 Chi tiết vốn cơ cấu tỷ lệ cổ đông sở hữu**

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ % góp vốn
Ông Lê Xuân Nghĩa	46.105.020.000	16,72%
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	21.867.500.000	7,93%
Bà Nguyễn Hiền Nga	2.587.500.000	0,94%
Ông Tào Ngọc Tuấn	2.587.500.000	0,94%
Các cổ đông khác	202.617.380.000	73,47%
<b>Cộng</b>	<b>275.764.900.000</b>	<b>100%</b>

**17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	275.764.900.000	174.554.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	101.210.900.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối năm	275.764.900.000	275.764.900.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.239.533.100	5.211.956.610

**17.4 Cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	27.576.490	27.576.490
Số lượng cổ phiếu đã phát hành:	27.576.490	27.576.490
Cổ phiếu phổ thông	27.576.490	27.576.490
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại: 042 260 6166

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

cho kỳ hoạt động

Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	27.576.490	27.576.490
Cổ phiếu phổ thông	27.576.490	27.576.490
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

**17.5 Các quỹ của doanh nghiệp**

	Kỳ này	Kỳ trước
Quỹ đầu tư phát triển	2.409.974.228	1.806.671.911
<b>Cộng</b>	<b>2.409.974.228</b>	<b>1.806.671.911</b>

Các quỹ của doanh nghiệp được trích căn cứ theo Điều lệ công ty và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp: để dự phòng rủi ro có thể xảy ra và đầu tư phát triển doanh nghiệp theo chiều sâu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <đồng>****01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hạt nhựa	32.995.718.772	20.894.190.911
Doanh thu bán bao bì	38.923.866.766	26.689.419.091
Doanh thu khác	9.947.144.995	20.789.342.390
<b>Cộng</b>	<b>81.866.730.533</b>	<b>68.372.952.392</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Hàng bán bị trả lại	-	-
---------------------	---	---

**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hạt nhựa	32.995.718.772	20.894.190.911
Doanh thu bán bao bì	38.923.866.766	26.689.419.091
Doanh thu khác	9.947.144.995	20.789.342.390
<b>Cộng</b>	<b>81.866.730.533</b>	<b>68.372.952.392</b>

**04. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn bán hạt nhựa	27.136.473.900	20.914.055.342
Giá vốn bán bao bì	31.367.396.271	39.856.805.538
Giá vốn khác	13.877.154.993	
<b>Cộng</b>	<b>72.381.025.164</b>	<b>60.770.860.880</b>

**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.634.967	4.839.151
Lãi từ hoạt động bán chứng khoán		
Doanh thu TC khác		686.247.407
Lãi chênh lệch tỷ giá		
<b>Cộng</b>	<b>2.634.967</b>	<b>691.086.558</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại: 042 260 6166

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động

Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>06. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	4.168.756.727	2.547.676.117
Chênh lệch tỷ giá		
Lỗ từ bán cổ phiếu		
Chi phí tài chính khác	23.472.343	108.172.297
<b>Cộng</b>	<b>4.192.229.070</b>	<b>2.655.848.414</b>
<b>07. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	93.716.832	76.684.645
Chi phí vận chuyển		286.149.999
Chi phí bán hàng khác	17.952.809	721.445.589
<b>Cộng</b>	<b>111.669.641</b>	<b>1.084.280.233</b>
<b>08. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí cho nhân viên	1.067.499.642	890.944.618
Chi phí đồ dùng văn phòng		
Chi phí khấu hao TSCĐ	66.666.665	66.666.665
Thuế phí và lệ phí		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	785.578.384	317.305.879
Chi phí bằng tiền khác	107.908.030	984.154.565
<b>Cộng</b>	<b>2.027.652.721</b>	<b>2.259.071.727</b>
<b>09. Thu nhập khác</b>		
Thu tiền thanh lý tài sản cố định	(254.133.340)	1.675.000.000
Thu nhập khác	150.000.000	114.696.379
<b>Cộng</b>	<b>(104.133.340)</b>	<b>1.789.696.379</b>
<b>10. Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý		678.787.879
Thuế bị phạt, truy thu		
Chi phí khác	206.412.132	176.204.204
<b>Cộng</b>	<b>206.412.132</b>	<b>854.992.083</b>
<b>11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế:</b>	<b>2.638.998.353</b>	<b>3.231.344.992</b>
Các khoản điều chỉnh tăng:	200.437.382	176.234.213
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế:</b>	<b>2.839.435.735</b>	<b>3.407.579.205</b>
Thuế suất thuế TNDN:	20%	20%

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội  
 Điện thoại: 042 260 6166

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

cho kỳ hoạt động  
 Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.	567.887.147	681.515.841
---	-------------	-------------

Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay.

<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>567.887.147</b>	<b>681.515.841</b>
---------------------------	--------------------	--------------------

**13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.367.272.003	31.395.658.139
Chi phí nhân công	3.668.158.172	3.408.180.414
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.040.330.189	1.785.125.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.898.319.405	4.949.039.513
Chi phí khác	451.893.785	161.533.181
<b>Cộng</b>	<b>50.425.973.554</b>	<b>41.699.536.361</b>

**VII. Những thông tin khác****1. Công cụ tài chính****1.1. Quản lý rủi ro**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

**1.2. Các loại công cụ tài chính:****Tài sản tài chính:**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.075.465.660	5.091.870.508
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	81.504.794.811	74.867.503.008
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	178.000.000.000	178.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	-

**Công nợ tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính	79.822.974.141	82.793.407.218
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	20.017.099.483	14.053.910.695
Công nợ tài chính khác	-	-

**1.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng,

**Rủi ro thị trường**

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các nghĩa vụ nợ ngoại tệ (nếu có) đều được thanh toán bằng ngoại tệ.

**Quản lý rủi ro về lãi suất**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với các ngân hàng uy tín và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh vì các khoản phải thu khách hàng chủ yếu bằng tiền mặt.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	64.974.069.561	-
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	20.017.099.483	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	14.848.904.580
Công nợ khác	-	106.076.296

**2. Thông tin về các bên liên quan:**

Các bên liên quan	Ghi chú	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư NHP		Công ty liên kết
Cty Cổ phần TM và DL Kim Bôi		Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	(1)	Công ty đầu tư góp vốn khác
Cty CP XD&ĐT Trường Giang	(2)	Ông Lê Xuân Nghĩa - Chủ tịch HĐQT Công ty Trường Giang đồng thời là Chủ tịch HĐQT Cty CP SX XNK NHP. Bà Phạm Thị Thủy - Thành viên HĐQT Công ty Trường Giang là Tổng giám đốc Cty CP SX XNK NHP.
Công ty CP Dầu thực vật Sài Gòn	(3)	Công ty có cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty CP SX XNK NHP là một nhà đầu tư.
Công ty TNHH Thịnh Phát	(4)	Ông Ngô Văn Phương Giám đốc Công ty Thịnh Phát đồng thời là Phó chủ tịch HĐQT Cty CP SX XNK NHP
Công ty Cổ phần Sapa NHP	(5)	Ông Lê Xuân Nghĩa - Giám đốc Công ty Sapa NHP đồng thời là Chủ tịch HĐQT Cty CP SX XNK NHP.
Viện nghiên cứu P.triển kinh doanh	(6)	Ông Lê Xuân Nghĩa - Viện trưởng Viện nghiên cứu PTKD đồng thời là Chủ tịch HĐQT Cty CP SX XNK NHP.
Cty TNHH May thêu Minh Phương	(7)	Bà Triệu Thị Hà ủy viên HĐQT (miễn nhiệm từ 28/04/2016) là Giám đốc Công ty Minh Phương

Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội	(8)	Ông Lê Xuân Nghĩa - Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quốc Dân đồng thời là Chủ tịch HĐQT Cty CP SX XNK NHP.
Bà Ngô Thị Ngân	(9)	Khách hàng, nhà cung cấp của Công ty Cổ phần Sản xuất xuất nhập khẩu NHP
Bà Ngô Thị Huyền	(10)	Tổng Giám đốc của công ty Delex Việt Nam

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

2.1	Giao dịch phát sinh	Quan hệ với C.ty	Nghiệp vụ phát sinh	Kỳ này	
*	<b><u>Bán hàng hóa, chuyển nhượng cổ phần</u></b>			<b>68.547.022.529</b>	
	Công ty Cổ phần Đầu tư NHP	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng hóa, nhượng bán TSCĐ	-	
	Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	(1)	Doanh thu bán hàng hóa	2.500.000.000	
	Cty CP XD&ĐT Trường Giang	(2)	Doanh thu bán hàng hóa	14.570.190.000	
	Công ty TNHH Thịnh Phát	(4)	Doanh thu bán hàng hóa	45.450.482.529	
	Công ty Cổ phần Sapa NHP	(5)	Doanh thu bán hàng hóa	-	
	Bà Ngô Thị Ngân	(9)	Doanh thu bán hàng hóa, Thanh lý TSCĐ	6.026.350.000	
	Bà Ngô Thị Huyền	(10)	Chuyển nhượng cổ phần	-	
*	<b><u>Mua hàng, TSCĐ</u></b>			<b>11.424.410.000</b>	
	CP Cty CP XD&ĐT Trường Gia	(2)	Mua hạt nhựa PP, bao bì PP, cuộn dệt	11.424.410.000	
	Bà Ngô Thị Ngân	(9)	Mua hàng	-	
*	<b><u>Vay cá nhân</u></b>			<b>400.000.000</b>	
	Bà Ngô Thị Ngân	(9)	Vay ngắn hạn	400.000.000	
*	<b><u>Tạm ứng</u></b>			<b>2.100.000.000</b>	
	Ông Lê Xuân Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	100.000.000	
	Bà Phạm Thị Thủy	Tổng GD	Tạm ứng	2.000.000.000	
*	<b><u>Giao dịch khác</u></b>				
	Bà Ngô Thị Ngân	(9)	Chuyển tiền đặt cọc	3.000.000.000	
	Bà Triệu Thị Hà		Tất toán phải trả khác ( Nợ 3388)	2.968.000.000	
2.2	<b>Công nợ với bên liên quan</b>	<b>Quan hệ với Công ty</b>	<b>Nội dung công nợ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
*	<b>Các khoản phải thu</b>			<b>229.494.096.042</b>	<b>222.640.301.263</b>
	Công ty Cổ phần Đầu tư NHP	Công ty liên kết	Góp vốn đầu tư	74.000.000.000	74.000.000.000
	Cty cổ phần TM và DL Kim Bôi	Công ty liên kết	Góp vốn đầu tư	50.000.000.000	50.000.000.000
	Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	(1)	Góp vốn đầu tư	4.000.000.000	4.000.000.000
	Cty CP XD&ĐT Trường Giang	(2)	Góp vốn đầu tư	50.000.000.000	50.000.000.000
	Công ty Cổ phần Đầu tư NHP	Công ty liên kết	Phải thu KH	1.842.500.000	1.842.500.000
	Cty CP XD&ĐT Trường Giang	(2)	Phải thu KH	181.050.000	590.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội  
Điện thoại: 042 260 6166**Thuyết minh báo cáo tài chính**cho kỳ hoạt động  
Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Công ty TNHH Thịnh Phát	(4)	Phải thu KH	32.045.271.042	27.124.301.263
Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	(1)	Phải thu KH	2.173.000.000	-
Bà Ngô Thị Ngân	(9)	Phải thu KH	1.435.775.000	399.000.000
Bà Ngô Thị Huyền	(10)	Phải thu khác	2.800.000.000	2.800.000.000
Bà Triệu Thị Hà	Thành viên BKS (đã nghỉ việc)	Phải thu khác	-	2.968.000.000
Ông Lê Xuân Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	2.301.500.000	2.201.500.000
Ông Ngô Văn Phương	Phó CT HĐQT	Tạm ứng	-	-
Ông Phạm Văn Hải	Thành viên BKS	Tạm ứng	6.715.000.000	6.715.000.000
Phạm Thị Thủy	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	2.000.000.000	-
<b>* Trả trước người bán ngắn hạn</b>			<b>729.226.100</b>	<b>8.249.300.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư NHP	Công ty liên kết		70.000.000	-
Công ty TNHH Thịnh Phát	(4)		-	8.133.250.000
Viện nghiên cứu P.triển kinh doanh	(6)		398.214.100	116.050.000
Bà Ngô Thị Ngân	(9)		261.012.000	-
<b>* Các khoản phải trả</b>			<b>2.287.393.000</b>	<b>6.324.001.000</b>
Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	(1)	Mua hàng	-	
Cty CP XD&ĐT Trường Giang	(2)	Mua hàng	2.287.393.000	4.015.013.000
Công ty TNHH Thịnh Phát	(4)	Mua hàng	-	
Bà Ngô Thị Ngân	(9)	Mua hàng	-	63.988.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội	(8)	Vay và nợ thuê tài chính	-	2.245.000.000

**3. Báo cáo bộ phận****Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (phân loại hoạt động trong nước và nước ngoài)**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các hoạt động kinh doanh của Công ty là thương mại hạt nhựa và sản xuất bao bì nhựa.

Thông tin về kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Doanh thu hạt nhựa	Doanh thu bao bì	Doanh thu khác	Tổng cộng
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>32.995.718.772</b>	<b>38.923.866.766</b>	<b>9.947.144.995</b>	<b>81.866.730.533</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-
Chi phí bộ phận	27.136.473.900	31.367.396.271	13.877.154.993	72.381.025.164
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>5.859.244.872</b>	<b>7.556.470.495</b>	<b>(3.930.009.998)</b>	<b>9.485.705.369</b>
Các khoản chi phí không phân bổ theo bộ phận				(2.346.567.441)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				7.139.137.928
Doanh thu hoạt động tài chính				2.634.967
Chi phí tài chính				(4.192.229.070)
Thu nhập khác				(104.133.340)
Chi phí khác				(206.412.132)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**Địa chỉ: Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội  
Điện thoại: 042 260 6166**Thuyết minh báo cáo tài chính**

cho kỳ hoạt động

Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Chi phí thuế TNDN hiện hành

(567.887.147)

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

-

**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp****2.071.111.206****4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI) và báo cáo tài chính thời điểm 30/06/2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các kỳ hoạt động tiếp theo.

**6. Những thông tin khác****6.1 Một số chỉ tiêu tài chính**

Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ này	Kỳ trước
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn</b>			
<b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	37,59	34,30
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	62,41	65,70
<b>1.2. Bố trí cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	28,21	26,41
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	71,79	73,59
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	3,55	3,79
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,54	1,54
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,07	0,06
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	3,22	4,73
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	2,53	3,73
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,68	0,59
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,53	0,66

**6.2 Thông tin khác**

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Minh

Phạm Thiên Thành

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017



Phạm Thị Thủy

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Địa chỉ: Thôn Diêm Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại: 042 260 6166

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

cho kỳ hoạt động

Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

**Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Đơn vị tính: đồng	
					Tổng cộng	
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>40.909.090.909</b>	<b>32.502.980.001</b>	<b>5.104.960.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>78.517.030.910</b>
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	5.104.960.000	-	-	5.104.960.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>40.909.090.909</b>	<b>32.502.980.001</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>73.412.070.910</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>2.642.045.470</b>	<b>3.904.328.414</b>	<b>629.635.148</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.176.009.032</b>
- Khấu hao trong năm	511.363.638	1.140.250.854	212.706.665	-	-	1.864.321.157
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	850.826.660	-	-	850.826.660
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.153.409.108</b>	<b>5.044.579.268</b>	<b>(8.484.847)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.189.503.529</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>						
- Tại ngày đầu năm	38.267.045.439	28.598.651.587	4.475.324.852	-	-	71.341.021.878
- Tại ngày cuối năm	37.755.681.801	27.458.400.733	8.484.847	-	-	65.222.567.381

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

68.182.928.445 đồng

Nguyên giá TSCĐ hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Địa chỉ: Thôn Diêm Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại: 042 260 6166

**Báo cáo tài chính**

cho kỳ hoạt động

Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

**Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm và khả năng trả nợ vay**

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Tổng cộng</b>	<b>79.299.739.361</b>	<b>-</b>	<b>75.940.731.406</b>	<b>79.434.399.263</b>	<b>82.793.407.218</b>	<b>-</b>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	67.033.334.781	-	75.940.731.406	75.553.878.653	66.646.482.028	-
Vay ngắn hạn tổ chức	67.033.334.781	-	74.940.731.406	74.553.878.653	66.646.482.028	-
Ngân hàng Agribank - CN Tây HN	49.998.303.111	-	57.226.582.346	53.964.012.203	46.735.732.968	-
Ngân hàng TMCP Vietcombank - CN Hà Tây	14.452.531.670	-	14.714.149.060	14.975.766.450	14.714.149.060	-
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	-	-	-	5.196.600.000	5.196.600.000	-
Ngân hàng VP Bank - CN Ngô Quyền	2.582.500.000	-	3.000.000.000	417.500.000	-	-
Vay ngắn hạn cá nhân	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Bà Ngô Thị Ngân	-	-	400.000.000	400.000.000	-	-
Bà Trần Thị Ngọc Nguyệt	-	-	600.000.000	600.000.000	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12.266.404.580	-	-	3.880.520.610	16.146.925.190	-
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	12.266.404.580	-	-	1.635.520.610	13.901.925.190	-
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội	-	-	-	2.245.000.000	2.245.000.000	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Địa chỉ: Thôn Diêm Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại: 042 260 6166

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

cho kỳ hoạt động

Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

**Phụ lục 03: Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu****A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>275.764.900.000</b>	<b>(26.000.000)</b>	<b>1.806.671.911</b>	<b>3.993.344.856</b>	<b>281.538.916.767</b>
- Tăng vốn trong năm trước		-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	2.549.829.151	2.549.829.151
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Phân phối trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>275.764.900.000</b>	<b>(26.000.000)</b>	<b>1.806.671.911</b>	<b>6.543.174.007</b>	<b>284.088.745.918</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>275.764.900.000</b>	<b>(26.000.000)</b>	<b>1.806.671.911</b>	<b>6.543.174.007</b>	<b>284.088.745.918</b>
- Tăng vốn trong kỳ này		-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	2.071.111.206	2.071.111.206
- Tăng khác	-	(200.000.000)	603.302.317	-	403.302.317
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	6.144.486.575	6.144.486.575
+ <i>Trả cổ tức</i>	-	-	-	5.239.533.100	5.239.533.100
+ <i>Trích Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	603.302.317	603.302.317
+ <i>Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-	-	301.651.158	301.651.158
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	288.000.000	288.000.000
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>275.764.900.000</b>	<b>(226.000.000)</b>	<b>2.409.974.228</b>	<b>2.181.798.638</b>	<b>280.130.672.866</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)